

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn.
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phùng Thanh N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị L và anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 25/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị với anh N chung sống vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/10/2010. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến tháng 5/2023 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng sau đó mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra, vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc, chị và anh N đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Chị nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Phùng Thiên Q, sinh ngày 20/12/2009 và Phùng Ngọc Phương M, sinh ngày 17/5/2012, hiện do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Q và M, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai cháu Q và M.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp, nhưng vẫn không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L, anh N có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N chung sống vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 27/10/2010, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh N là hợp pháp. Chị L xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N. Nhưng anh N cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị L, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh N có hai người con chung tên Phùng Thiên Q, sinh ngày 20/12/2009 và Phùng Ngọc Phương M, sinh ngày 17/5/2012.

Xét yêu cầu nuôi con của chị L thấy rằng: Hai cháu Q và M hiện do chị L nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, hai cháu Q và M có nguyện vọng sống với chị L khi cha mẹ ly hôn. Hơn nữa, anh N cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi dưỡng hai cháu Q và M của chị L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Q và M, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao hai cháu Q và M cho chị L nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai cháu Q và M, nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Phùng Thanh N.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phùng Thiên Q, sinh ngày 20/12/2009 và Phùng Ngọc Phương M, sinh ngày 17/5/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phùng Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0002351

ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vợ chị L đã thi hành xong án phí.

4. Chị L, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức